

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KIẾN TẠO TECTONIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KIẾN TẠO TECTONIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIEN TAO TECTONIC CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109739751

**3. Ngày thành lập:** 31/08/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

LK11-L1 Đầu giá QSD đất Mậu Lương, Tổ dân phố 10, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912081273

Fax:

Email: 2021kientao@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4299        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 11. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4649 |
| 13. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7410 |
| 15. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7820 |
| 16. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7830 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 280.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ PHƯƠNG<br>LINH | LK11-L1 Đầu giá<br>QSD đất Mậu<br>Lương, Tổ dân<br>phố 10, Phường<br>Kiến Hưng, Quận<br>Hà Đông, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 28.000        | 280.000.000              | 10,000       | 0273030000<br>85                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 28.000        | 280.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ TRỌNG<br>YÊN   | Xóm Dò, thôn<br>Hưng Hiền, Xã<br>Yên Hưng, Huyện<br>Yên Mô, Tỉnh<br>Ninh Bình, Việt<br>Nam                                        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 168.000       | 1.680.000.000            | 60,000       | 164128981                                                                                                              |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 168.000       | 1.680.000.000            | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                        |                                                                                                              |                           |        |             |        |                  |
|---|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG | LK11-L1 Đấu giá QSD đất Mậu Lương, Tổ dân phố 10, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 84.000 | 840.000.000 | 30,000 | 0271770003<br>17 |
|   |                        |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                                              | Tổng số                   | 84.000 | 840.000.000 | 30,000 |                  |
|   |                        |                                                                                                              |                           |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ TRỌNG YÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/05/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 164128981

Ngày cấp: 29/01/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Xóm Dò, thôn Hưng Hiền, Xã Yên Hưng, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: LK11-L1 Đấu giá QSD đất Mậu Lương, Tổ dân phố 10, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội